TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2023/DS-PT
Ngày: 29/3/2023
V/v: *Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tồn**

Các thẩm phán: Ông **Lê Phước Thanh**

Ông **Phạm Văn Hợp**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Văn Phong** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Thọ Định** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 258/TLPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2022 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*. Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 752/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Phan T, sinh năm 1953, có mặt

2. Ông Ngô P, sinh năm 1961, có mặt

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hương Q, sinh năm 1977; địa chỉ: C M, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên, có mặt

- ***Bị đơn:*** Ông Phạm Quang S, sinh năm 1953; địa chỉ: Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên, có mặt

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên, vắng mặt

2. Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên, vắng mặt

3. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1964, vắng mặt

4. Bà Ngô Thị Đ, sinh năm 1988, vắng mặt

5. Ông Ngô Văn H, sinh năm 1986, vắng mặt

6. Ông Ngô Văn Đ1, sinh năm 1991, vắng mặt

Người đại diện uỷ quyền của bà T1*, bà* Đ*, ông* H*, Ông* Đ1*:* Ông Ngô P, có mặt

7. Bà Huỳnh Thị R, sinh năm 1955, vắng mặt

8. Bà Phan Thị Như S1, sinh năm 1984, vắng mặt

9. Bà Phan Thị Ngọc Á, sinh năm 1981, vắng mặt

10. Bà Phan Thị H1, sinh năm 1986, vắng mặt

11. Ông Phan Văn M, sinh năm 1979, vắng mặt

Người đại diện uỷ quyền của bà R*, bà* S1*, bà* Á*, bà* H1*, ông* M*:* Ông Phan T, có mặt

12. Ông Phan Minh T2, sinh năm 1976; vắng mặt

13. Ông Phan Văn T3, sinh năm 1970; vắng mặt

14. Bà Đinh Thị T4, sinh năm 1957; vắng mặt

15. Ông Phan Văn T5, sinh năm 1976; vắng mặt

16. Bà Phạm Ngọc N, sinh năm 1979; vắng mặt

17. Bà Phạm Thị H2, sinh năm 1984; vắng mặt

18. Bà Phạm Thị H3, sinh năm 1981; vắng mặt

Người đại diện uỷ quyền của bà T4*, ông* T6*, bà* N*, bà* H3*:* ông Phạm Quang S; cóm mặt

19. Vợ chồng ông Phạm G, bà Phạm Thị T7 (đã chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T7*:* ông Phạm Quang S, có mặt

Cùng địa chỉ: thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên

Do có kháng cáo của nguyên đơn Phan T, Ngô P và Kháng nghị của VKSND tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/9/2015 Tòa án nhận ngày 10/11/2015 và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Phan T, Ngô P *trình bày như sau:*

Nguyên trước đây, Tổ Hợp tác T10 có một diện tích đất trồng cây dừa khoảng 2.210m^2 thuộc thửa đất số 249 tại M, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Năm 1996, thực hiện Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính Phủ, Ủy ban nhân dân huyện T tiến hành lấy thửa đất 249 cân đối giao cho ba hộ gia đình cùng mang số thửa đất 249B để sản xuất gồm: ông Ngô P diện tích 903m^2, ông Phan T diện tích 800m^2, ông Phạm Quang S diện tích 507m^2, có biên bản giao mốc thực địa ngày 14/6/1996 nhưng không đi thực địa để giao. Do không giao đất thực tế nên không biết ranh giới, vị trí khu đất nằm ở hướng nào. Vào năm 1997, ông Phạm G và ông S đã chuyển nhượng một phần diện tích trong tổng diện tích đất 2.210m^2 nêu trên cho hai ông Phan Văn T3 và Phan Minh T2 ở M, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên để cất nhà ở. Theo bản đồ đo đạc địa chính tháng 11/2013 thì thửa đất này đo mới gồm có 03 thửa, thửa đất số 211 với diện tích 1.328m^2, loại đất (BHK) do ông Phạm Quang S kê khai, thửa số 213 với diện tích 555m^2, loại đất ở (ONT) do ông Phan Văn T3 kê khai, thửa 226 với diện tích 414m^2 đất ở, do ông Phan Minh T2 kê khai, thuộc tờ bản đồ số 17. Việc chuyển nhượng đất của ông S đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của các ông. Nay ông T và ông S yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất thực tế theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 31/10/2017 cụ thể: Ngô Phú diện tích 690m^2, Phan Tào diện tích 587,3m^2 (theo sơ đồ hiện trạng kèm theo) tọa lạc tại M, A, T, Phú Yên là hợp pháp, về tài sản gắn liền trên đất gồm có các cây dừa, chuối đã già cỗi không còn giá trị nên các ông không đồng ý thanh toán giá trị lại cho ông Phạm Quang S. Cũng trong phần đất thực tế này là bị thiếu hụt so với diện tích có trong sổ đỏ đã được Nhà nước cấp cho các ông do trước đây ông S đã chuyển nhượng đất cho anh T3 và anh T2 đã thâm qua diện tích đất của các ông nhưng các ông không trả diện tích bị thiếu này.

Bị đơn ông Phạm Quang S *trình bày:* Cha mẹ ông là ông Phạm G, bà Phạm Thị T7 có hiến một phần diện tích đất 2.200m^2 cho HTX T11. Đến năm 1991 thì I-ITX bán lại cho hộ viên và ưu tiên bán lại cho cha mẹ ông toàn bộ diện tích đất này, trên đất HTX đã trồng một số cây dừa được 03 năm tuổi. Từ đó đến nay gia đình ông sử dụng ổn định không ai tranh chấp. Năm 1993, sau khi Nhà nước cân đối theo Nghị định 64/CP thì đã chia cấp một phần diện tích đất này cho ông T và ông P, nhưng không có quyết định thu hồi đất. Việc Nhà nước cấp đất cho ông P, ông T thì ông không biết, ông chỉ biết HTX đã bán cây dừa và đất cho cha ông là ông Phạm G quản lý, sử dụng. Nay cha ông đã chết thì ông tiếp tục thừa hưởng toàn bộ diện tích đất và cây dừa này. Ông không đồng ý theo yêu cầu của ông P,ông T đồng thời có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G829422 do UBND huyện T cấp ngày 24/5/1997 cho ông Ngô Văn P đối với thửa đất 249B, tờ bản đồ 03 diện tích 903m^2 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G827618 do UBND huyện T cấp ngày 25/7/1998 cho ông Phan Tào đối v thửa đất 249B, tờ bản đồ 03 diện tích 800m^2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện T *trình bày:* Nguyên thửa đất số 249 với diện tích 2.210m^2 theo bản đồ 299/TTg đo đạc năm 1995 trước đây thuộc của Tổ thủy sản

xã A quản lý, tổ thủy sản đã trồng toàn bộ cây dừa trên thửa đất này. Sau khi tổ thủy sản không sử dụng đem thửa đất này chuyển nhượng lại cho cha mẹ ông Phạm Quang S (ông Phạm G và bà Phạm Thị T7) chỉ chuyển nhượng thành quả lao động. Năm 1996, khi thực hiện Nghị định 64/CP ngày 17/9/1993 thì Tổ thủy sản bàn giao đất lại cho UBND xã A quản lý và trên cơ sở đó UBND xã A tiến hành rà soát diện tích theo bản đồ đo đạc, phân hạng đất, xác định loại đất và mục đích sử dụng đất trên địa bàn xã và diện tích xâm canh xã khác, điều tra nhân khẩu trong hộ theo quy định, đồng thời tính cân đối diện tích đất theo hạn mức giao cho từng nhân khẩu trong hộ gia đình. Trên cơ sở đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của ông Phan T, Ngô P, ông Phạm Quang S thì thửa 249 được cân đối cho hộ ông Phan Tào t 249B diện tích 800m2, hộ ông Ngô Phú t1 249B diện tích 903m2, hộ ông Phạm Quang S diện tích 507m^2, theo giấy tờ hồ sơ đã lập có biên bản giao mốc thực địa ngày 14/6/1996 nhưng không đi thực địa để giao. Theo bản đồ đo đạc địa chính tháng 11/2013 thì thửa đất này đo mới gồm 03 thửa, thửa số 211 diện tích 1.328m^2 loại đất (BHK) do ông Phạm Quang S kê khai, thửa số 213 diện tích 555m^2 loại đất ở (ONT) do ông Phan Văn T3 kê khai, thửa 226 diện tích 414m^2 loại đất ở ONT do ông Phan Minh T2 kê khai đều thuộc tờ bản đồ số 17. Qúa trình cân đối và xét giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình cá nhân, UBND xã A thực hiện theo hướng dẫn 146 ngày 24/3/1995 của UBND tỉnh P về việc Hướng dẫn kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định 64/CP của Chính Phủ và Kế hoạch số 49 ngày 22/6/1995 của UBND huyện T về đẩy mạnh việc giao quyền sử dụng đất ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của Chính Phủ. Hội đồng xét giao đất UBND xã A họp công khai từng hộ được xét giao, sau đó lập danh sách từng hộ, lập tờ trình xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trình UBND Huyện T xem xét ra quyết định ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, do đó việc UBND xã A lập hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sửu dụng đất cho ông Phan T, Ngô P là đúng trình tự thủ tục do đó việc bị đơn ông Phạm Quang S yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ngô P, Phan Tào đối với thửa 249B cấp cho ông T, P là không có căn cứ, đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Phan T, Ngô Phú theo diện tích đã được Nhà nước cấp quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng thời hộ ông Phan T, Ngô P phải có nghĩa vụ thanh toán lại thành quả lao động tên đất gồm các cây dừa, chuối, ổi theo giá trị quy định cho ông Phạm Quang S. Ngoài ra, ông Phan Văn T3 và ông Phan Minh T2 trước đây có nhận chuyển nhượng đất từ ông Phạm G, bà Phạm Thị T7 là không đúng quy định pháp luật, tuy nhiên diện tích thực tế hiện nay ông T3 và ông T2 đang cất nhà ở là phù hợp với quy hoạch khu dân cư, do đó, ông T3 và ông T2 phải có nghĩa vụ làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đúng quy định của pháp luật.

- Ủy ban nhân dân xã A *trình bày:* về nội dung giống như quan điểm của UBND huyện T. Từ khi thực hiện Nghị định 64/CP đã cân đối giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ ông Phạm Quang S, ông Phan T, ông Ngô P nhưng thực tế từ đó cho đến nay chỉ có ông Phạm Quang S sử dụng trên đất có cây dừa, còn ông Ngô P, Phan T không có sử dụng do trên đất đã có cây dừa trước khi giao. Qua kiểm tra các loại giấy tờ trước đây do tổ thủy sản quản lý, UBND xã đề nghị ông Ngô P, ông Phan T có trách nhiệm tính toán chi

phí cây dừa cho ông Phạm Quang S, đối với phần diện tích đất thỉ căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho từng người được sử dụng.

- *Bà* Nguyễn Thị T1*, bà* Ngô Thị Đ*, ông* Ngô Văn H*, ông* Ngô Văn Đ1 *đã ủy quyền cho ông* Ngô Phú . *Bà* Huỳnh Thị R, Phan Thị Như S1, Phan Thị Ngọc Á, Phan Thị H1, Phan Văn M *đã ủy quyền cho ông* Phan T *trình bày:* Yêu cầu Tòa án xem xét công nhận quyền sử dụng đất diện tích tranh chấp nêu trên cho hộ gia đình ông T, ông P.

- *Bà* Đinh Thị T4, Phạm Văn T8, Phạm Ngọc N, Phạm Thị H2, Phạm Thị H3 *đều ủy quyền cho ông* Phạm Quang S *trình bày:* thống nhất như ý kiến của ông Phạm Quang S.

- *Anh* Phan Văn T3 *và anh* Phan Minh T2 *đều trình bày:* Năm 1997 các ông có nhận chuyển nhượng đất của vợ chồng ông Phạm G, bà Phạm Thị T7 và ông Phạm Quang S., H4 bên có lập giấy chuyển nhượng viết tay do ông Phạm Quang S con ông Phạm G viết. Các ông không biết việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất phải báo cáo với chính quyền địa phương, có công chứng, chứng thực nên chỉ làm giấy tay. Sau khi nhận chuyển nhượng đất các ông đã xây nhà ở sinh sống ổn định cho đến nay, không ai tranh chấp gì. Việc ông Phan T và ông Ngô P tranh c đất đai với ông Phạm Quang S các ông không có ý kiến gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Áp dụng Điều 3 Luật đất đai 1987; Điều 1,3, 21, khoản 6 Điều 73 Luật đất đai năm 1993; Điều 37, điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 I của ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Phú v1 việc đòi ông Phạm Quang S trả lại diện tích đất 690m^2 thuộc thửa 249B, tờ bản đồ 03, có giới cận: Đông giáp đường đi bê tông, Tây giáp đất ông T9, Nam giáp đất ông T3, Bắc giáp đất ông Phan T tại thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Tào v2 việc đòi ông Phạm Quang S trả lại diện tích đất diện tích đất 587,3m^2 thuộc thửa 249B, tờ bản đồ 03, có giới cận: Đông giáp đường đi bê tông, Tây giáp đất ông T9, Nam giáp đất ông Ngô P, Bắc giáp đường đi nội bộ tại thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Phạm Quang S.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G829422 do UBND huyện T cấp ngày 24/5/1997 cho ông Ngô Văn P đối với thửa đất 249B, tờ bản đồ 03, diện tích 903m^2 tại thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G827618 do UBND huyện T cấp ngày 25/7/1998 cho ông Phan Tào đối v thửa đất 249B, tờ bản đồ 03, diện tích 800m tại thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản; án phí dân sự sơ thẩm; quy định về thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/9/2022, nguyên đơn ông Phan T, ông Ngô P có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 09/9/2022, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành quyết định kháng nghị số 1222/QĐ-VKS-DS với nội dung kháng nghị toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên và kháng cáo của nguyên đơn ông Phan T, ông Ngô Phú . Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Phan T, ông Ngô Phú khởi k bị đơn ông Phạm Quang S về tranh chấp về quyền sử dụng đất. Bị đơn có yêu cầu phản tố hủy quyết định cá biệt là các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho các nguyên đơn. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại quy định tại khoản 9 Điều 26, khoản 4 Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

[2] Về Nội dung vụ án: Xét toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn ông Phan T, ông Ngô P và kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên thì thấy:

Nguồn gốc thửa đất số 249, diện tích 2.210m^2 (theo bản đồ 299/TTg) là của ông Phạm G, bà Phạm Thị T7 (cha mẹ ông Phạm Quang S) đưa vào Hợp tác xã T11 (sau đây gọi tắc là Hợp tác xã) vào năm 1979. Hợp tác xã cho Tổ thủy sản P2 là đơn vị trực tiếp quản lý sử dụng thửa đất này cho đến năm 1991. Đến ngày 21/6/1991, Tổ thủy sản P2 lập Biên bản bán 67 cây dừa trên thửa đất này cho ông Phạm G với giá 536.000 đồng.

Đến năm 1996, thực hiện chính sách đất đai theo Nghị định 64/CP của Chính phủ, UBND xã A và UBND huyện T đã cân đối giao đất cho ba hộ, gồm: Hộ ông Ngô P diện tích 903m^2, hộ ông Phan T diện tích 800m^2 và hộ ông Phạm Quang S diện tích 507m^2. Các hộ được giao đất nêu trên đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 21, khoản 6 Điều 73 Luật Đất đai năm 1993 để xác định nhà nước chưa có quyết định thu hồi đối với ông Phạm G, bà Phạm Thị T7 nên việc cấp các giấy chứng nhận cho hộ ông Ngô P, hộ ông Phan T và hộ ông Phạm Quang S là vi phạm pháp luật là không căn cứ. Bởi lẽ; Theo Ủy ban nhân dân huyện T *trình bày:* Nguyên thửa đất số 249 với diện tích 2.210m^2 theo bản đồ 299/TTg đo đạc năm 1995 trước đây thuộc của Tổ thủy sản xã A quản lý, tổ thủy sản đã trồng toàn bộ cây dừa trên thửa đất này. Sau khi kinh doanh không hiệu quả nên tổ thủy sản giải thể (chuyển nhượng thành quả lao động trên đất). Năm 1996, thực hiện Nghị định 64/CP ngày 17/9/1993 thì Tổ thủy sản bàn giao toàn bộ đất lại cho UBND xã A quản lý và trên cơ sở đó UBND xã A tiến hành rà soát diện tích theo bản đồ đo đạc, phân hạng đất, xác định loại đất và mục đích sử dụng đất trên địa bàn xã và diện tích xâm canh xã khác, điều tra nhân khẩu trong hộ theo quy định, đồng thời tính cân đối diện tích đất theo hạn mức giao cho từng nhân khẩu trong hộ gia đình. Trên cơ sở đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của ông Phan T, Ngô P, ông Phạm Quang S thì thửa 249 được cân đối cho hộ ông Phan Tào t 249B diện tích 800m2, hộ ông Ngô Phú t1 249B diện tích 903m2, hộ ông Phạm Quang S diện tích 507m^2, theo giấy tờ hồ sơ đã lập có biên bản giao mốc thực địa ngày 14/6/1996. Như vậy; Ông Phạm G, bà Phạm Thị T7 chỉ nhận chuyển nhượng 67 cây dừa trên đất không phải nhận chuyển nhượng đất từ Hợp tác xã. Và thực tế khi nhà nước giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ ông Ngô P, hộ ông Phan T và hộ ông Phạm Quang S thì ông S đã biết rõ mình được cấp phần diện tích 507m^2 chứ không phải toàn bộ diện tích 2.210m^2 nhưng vẫn không có ý kiến gì về việc cấp đất. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng quy định của pháp luật ảnh hương đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Ngô P và ông Phan Tào .1

Từ những phân tích nhận định nêu trên, HĐXX phúc thẩm xét thấy cần thiết phải chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên và kháng cáo của các nguyên đơn, sửa toàn bộ bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

[3] Xét thấy quan điểm về nội dung giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí:

- Án phí DSST: Buộc bị đơn ông Phạm Quang S phải chịu theo quy định của pháp luật.

- Án phí DSPT: Nguyên đơn ông Ngô P và ông Phan Tào k1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 308; 313 Bộ luật Tố tụng dân sự

Chấp nhận kháng cáo của ông Ngô P, ông Phan T và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên. Sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô P và ông Phan T:

1.1 Buộc bị đơn ông Phạm Quang S trả lại cho ông Ngô P diện tích đất 690m^2 thuộc thửa 249B, tờ bản đồ 03, có giới cận: Đông giáp đường đi bê tông, Tây giáp đất ông T9, Nam giáp đất ông T3, Bắc giáp đất ông Phan T tại thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

1.2. Buộc bị đơn ông Phạm Quang S trả lại cho ông Phan T diện tích đất diện tích đất 587,3m^2 thuộc thửa 249B, tờ bản đồ 03, có giới cận: Đông giáp đường đi bê tông, Tây giáp đất ông T9, Nam giáp đất ông Ngô P, Bắc giáp đường đi nội bộ tại thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

1.3. Buộc nguyên đơn ông Ngô Phú hoàn t2 cho bị đơn ông Phạm Quang S giá trị cây trồng trên đất tương ứng với số tiền 12.840.000 đồng.

1.4. Buộc nguyên đơn ông Phan Tào hoàn t3 cho bị đơn ông Phạm Quang S giá trị cây trồng trên đất tương ứng với số tiền 8.050.000 đồng

Từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Phạm Quang S có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền mà ông Phan T, ông Ngô P phải thanh toán; nếu ông Phan T, ông Ngô P không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán với mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Phạm Quang S về việc đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G829422 do UBND huyện T cấp ngày 24/5/1997 cho ông Ngô Văn P và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G827618 do UBND huyện T cấp ngày 25/7/1998 cho ông Phan Tào .1

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: Buộc ông Phạm Quang S hoàn trả lại cho Phan T và Ngô P mỗi người số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)

3. Về án phí:

- Án phí DSST: Buộc bị đơn ông Phạm Quang S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Hoàn trả cho ông Ngô P và ông Phan T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 01265 ngày 11/11/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Án phí DSPT: Hoàn trả cho ông Ngô P và ông Phan T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0000255 và số 0000254 ngày 07/9/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Tồn